

Bản án số: 365/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 4 - 2021

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Mai Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1167/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm X. Địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, quận G, Thành phố H. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm Y. Địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, quận G, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2020, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Mạnh C tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số X, quyển số Y ngày Z. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt, nên chị yêu cầu ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Đại Bảo N, sinh ngày X. Chị H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh C vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Mạnh C nên quan hệ giải quyết trong vụ án là tranh chấp ly hôn, anh Nguyễn Mạnh C hiện đang cư ngụ tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Mạnh C.

[3]. *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Mạnh C là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyền số 02/2008, do Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Q cấp ngày 10/7/2009.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Chị Nguyễn Thị H trình bày giữa chị và anh C bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Chị và anh C đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh C đã được Tòa án triệu tập tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho Chị H và anh C hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh C vẫn không có mặt thể hiện anh C không có thiện chí giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến đôi với yêu cầu khởi kiện của Chị H.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa Chị H và anh C là có thật, đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Đại Bảo N, sinh ngày X. Hiện nay Chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N và Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị H, giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N cho đến khi đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh C cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí, lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 02/2008, do Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Q cấp ngày 10/7/2009 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Đại Bảo N, sinh ngày X cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ N đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Mạnh C cho đến khi có yêu cầu.

Anh Nguyễn Mạnh C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0026811 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Mạnh C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn,
tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Nguyễn Hà Hải